

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ- ST
Ngày 10 tháng 7 năm 2024
“V/v *Tranh chấp hôn nhân và
gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH PHÚ THỌ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vi Thị Phụng

Ông Phùng Văn Tân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Kiều Huyền Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Thị Ngọc H**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn TH, xã HX, huyện X, Thành phố Hà Nội.

+ *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Tiến C**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu 3, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Ngọc H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tiến C có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống cùng với gia đình nhà chồng tại khu 3, xã N, đến tháng

5/2018 thì anh chị xuống làm ăn tại Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 7/2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không sống chung cùng nhau, mỗi người một nơi, thường xuyên cãi vã về vấn đề tài chính, về mối quan hệ bên nhà chồng và về con. Gia đình đã hoà giải nhiều lần, anh chị đã từng tha thứ cho nhau về chung sống nhưng vẫn xảy ra mâu thuẫn. Chị và anh C đã sống ly thân từ tháng 9/2019 đến nay. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên nguyện vọng của chị là yêu cầu xin ly hôn anh C.

- Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Nguyễn Tiến M, sinh ngày 11/5/2017 và Nguyễn Thị Bích Ng, sinh ngày 31/01/2019. Hiện tại, cháu Ng đang ở với chị, cháu M đang ở với anh C. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng, đồng ý để anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, đất nông nghiệp: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Tiến C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không lần nào đến Tòa án để làm việc, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh C và cũng không tiến hành hòa giải được.

* Xác minh tại địa phương nơi anh Nguyễn Tiến C sinh sống, tại biên bản xác minh ngày 21/5/2024, Trưởng khu 3, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ và đại diện chính quyền địa phương xã N cung cấp như sau:

Anh Nguyễn Tiến C là công dân thuộc khu 3, xã N, huyện T. Năm 2016, anh C kết hôn với chị Đỗ Thị Ngọc H. Quá trình chung sống tại địa phương, khu dân cư không biết vợ chồng anh C, chị H có mâu thuẫn gì vì chưa lần nào đề nghị khu dân cư hoà giải. Nay chị H làm đơn đến Tòa án yêu cầu xin ly hôn anh C, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị H và anh C có 02 con chung. Hiện nay, địa phương thấy có cháu trai đang ở với anh C và ông bà nội. Về vấn đề nuôi con chung khi ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích của công dân.

*Tại biên bản lấy lời khai bà Đỗ Thị N1 (mẹ đẻ của anh Nguyễn Tiến C) ngày 21/5/2024, bà N1 trình bày: Năm 2016, anh C kết hôn với chị H. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung với gia đình bà. Quá trình chung sống, hai vợ chồng thỉnh thoảng phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn, gia đình cũng đã hoà giải, nguyên nhân mâu thuẫn thì gia đình bà không biết. Năm 2022, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ của chị H tại huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội. Nguyện vọng của gia đình và

quan điểm của anh C vẫn muốn vợ chồng về đoàn tụ, nhưng nếu chị H nhất quyết xin ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật. Anh C và chị H có 02 con chung là: Nguyễn Tiến M, sinh ngày 11/5/2017 và Nguyễn Thị Bích Ng, sinh ngày 31/01/2019. Hiện cháu M đang ở cùng với anh C và gia đình bà, cháu Ng đang ở với chị H. Nếu phải ly hôn, nguyện vọng của gia đình và anh C là muốn nhận nuôi cả hai cháu, nếu không được thì xin nhận nuôi cháu M. Quá trình chung sống tại gia đình, anh C chị H không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp cho gia đình. Hiện nay, anh C đang đi làm tại Hà Nội. Bà đã nhận được các giấy báo, văn bản tố tụng của Toà án gửi về và đã thông báo ngay cho anh C biết, nhưng do quan điểm của anh C không muốn ly hôn nên không đến Toà án làm việc, chị H làm đơn xin ly hôn thì chị tự giải quyết. Bà N1 cam kết sẽ nhận thay các văn bản tố tụng của Toà án và sẽ thông báo ngay cho anh C biết khi nhận được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Xử cho chị Đỗ Thị Ngọc H và anh Nguyễn Tiến C được ly hôn.
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 11/5/2017 cho anh Nguyễn Tiến C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thị Bích Ng, sinh ngày 31/01/2019 cho chị Đỗ Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Không có.
- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Ngọc H phải nộp 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Chị Đỗ Thị Ngọc H có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Tiến C. Bị đơn là anh C cư trú tại xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Tiến C mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không lần nào có mặt để làm việc, Tòa án đã triệu tập phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Ngọc H và anh Nguyễn Tiến C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn ngày 28/11/2016, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị H trình bày và kết quả xác minh, làm việc với gia đình anh C và địa phương nơi anh C cư trú thì nguyên nhân chị H, anh C mâu thuẫn là do vợ chồng mỗi người một nơi, không sống chung cùng nhau, thường xuyên cãi vã về vấn đề tài chính, về cách ứng xử trong gia đình. Nhiều lần vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, gia đình đã hoà giải, anh chị quay về chung sống nhưng mâu thuẫn vẫn tiếp tục xảy ra. Chị H và anh C đã sống ly thân từ tháng 9/2019 đến nay. Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh C đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị H là chính đáng, phù hợp với khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Đỗ Thị Ngọc H và anh Nguyễn Tiến C có 02 con chung là Nguyễn Tiến M, sinh ngày 11/5/2017 và Nguyễn Thị Bích Ng, sinh ngày 31/01/2019. Hiện nay cháu M đang ở với anh C tại khu 3, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ; cháu Ng đang ở với chị H tại thôn TH, xã HX, huyện X, Thành phố Hà Nội. Nay ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Bích Ng. Chị H đồng ý để anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Tiến M. Xét thấy chị H có chỗ ở ổn định, cháu Nguyễn Thị Bích Ng đã ở với chị H từ nhỏ và là con gái nên việc giao cháu Nguyễn Thị Bích Ng cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo tâm sinh lý của con chung. Đồng

thời, xét nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi là cháu Nguyễn Tiến M muốn được ở với bố là anh Nguyễn Tiến C. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bích Ng; giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Tiến M là hợp tình, hợp lý, đảm bảo quyền lợi của các con chung.

Chị H tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, nên không cần buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H. Đối với anh C, Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh C không đến Toà án làm việc, do đó Toà án không ghi nhận được ý kiến của anh C về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, xét chị H và anh C có khả năng lao động ngang nhau, mỗi người được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung, nên không cần buộc chị H, anh C phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Nếu sau này anh C có yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh, thì anh C có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, đất nông nghiệp: Chị Đỗ Thị Ngọc H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và đất nông nghiệp; các nội dung đó được bà Đỗ Thị N1 là mẹ đẻ anh Nguyễn Tiến C xác nhận, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này anh C chứng minh vợ chồng có tài sản chung, vay nợ chung và yêu cầu phân chia, sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị Đỗ Thị Ngọc H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Nhận định trên cũng phù hợp với quan điểm đề nghị mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Đỗ Thị Ngọc H được ly hôn anh Nguyễn Tiến C.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Tiến C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 11/5/2017. Giao cho chị Đỗ Thị Ng H trực tiếp nuôi

dưỡng cháu Nguyễn Thị Bích Ng, sinh ngày 31/01/2019. Anh C và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, đất nông nghiệp: Do chị Đỗ Thị Ngọc H trình bày không có nên không giải quyết. Nếu sau này anh Nguyễn Tiến C có yêu cầu, sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai số 0001903 ngày 08 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện Thanh Ba;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Thị Minh Hòa